



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

## The Basis of the Right of Integrity - A Comparative Perspective

Nguyen Ngo Thanh Danh\*

*Phan Law Vietnam Law Office, 38 Phan Khiem Ich, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Received 7 August 2023

Revised 20 March 2024; Accepted 25 September 2024

**Abstract:** The right to protect the integrity of a work (right of integrity) is one of the frequently controversial subjects, both theoretically and practically, under the field of copyright. Determining the basis of this right can contribute to the formulation of the content of such right of integrity and assist in solving more or less related confusion. This article aims to determine that basis and the accompanying legal consequences based on the provisions of current law, along with comparative perspectives with foreign law.

**Keywords:** Copyright, personality rights, right of integrity.

---

\* Corresponding author.

E-mail address: [thanhdanh02412@gmail.com](mailto:thanhdanh02412@gmail.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4576>

# Cơ sở của quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm - một góc nhìn so sánh

Nguyễn Ngô Thành Danh\*

Văn phòng Luật sư Phan Law Vietnam, 38 Phan Khiêm Ích, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận ngày 7 tháng 8 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 3 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 9 năm 2024

**Tóm tắt:** Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm là một trong những đối tượng thường gây ra nhiều tranh cãi, cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn liên quan đến lĩnh vực quyền tác giả. Việc xác định nguyên do hay cơ sở của quyền có thể góp phần xây dựng nội dung chế định của quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, cũng như hỗ trợ giải quyết ít nhiều các rối rắm có liên quan. Bài viết này có mục đích xác định cơ sở này và các hệ quả pháp lý kèm theo dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành, song song với góc nhìn so sánh với pháp luật nước ngoài.

**Từ khóa:** Quyền tác giả, quyền nhân thân, quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm.

## 1. Đặt vấn đề

Quyền tác giả bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Quyền nhân thân lại bao gồm bốn đặc quyền: quyền đặt tên cho tác phẩm, quyền được nêu tên, quyền công bố tác phẩm và quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm (sau đây gọi tắt là “quyền bảo toàn nguyên tác”). Trong đó, quyền bảo toàn nguyên tác đôi khi còn được coi là quyền nhân thân tiêu biểu nhất [1]. Hiện nay có một vấn đề là Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành (Luật SHTT) chỉ đưa ra một số quy định vắn tắt về quyền bảo toàn nguyên tác, trong khi các nghiên cứu chuyên sâu trong nước về chủ đề này lại khá hạn chế. Điều này không khỏi gây ra những vướng mắc và tranh cãi cả trong thực tiễn lẫn lý luận. Với bối cảnh đó, việc tìm hiểu sâu hơn về quyền bảo toàn nguyên tác là một điều cần thiết.

Có nhiều góc độ để tiếp cận chủ đề nói trên, tuy nhiên, bài viết chỉ giới hạn ở việc tìm hiểu cơ

sở của quyền bảo toàn nguyên tác, cũng như các hệ quả mang tính định hướng của nó. Việc xác định lý do tồn tại hay cơ sở của một quyền lợi bất kỳ có một tầm quan trọng nhất định. Thật vậy, không có lợi ích, không có tố quyền (quyền khởi kiện) - một ngạn ngữ Latin và cũng là một nguyên tắc được pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam ngầm thừa nhận [2]. Ngạn ngữ này ngụ ý rằng quyền lợi nào cũng đều nhắm đến việc bảo vệ các lợi ích cụ thể, và đó cũng chính là lý do tồn tại của nó. Mặc dù việc xác định lý do này có thể không giúp chúng ta trực tiếp giải quyết các tranh chấp, nhưng nó cung cấp cho chúng ta các định hướng và góc nhìn có liên quan, để từ đó hỗ trợ cho việc xác định ranh giới hài hòa lợi ích của các bên trong những các xung đột phát sinh.

Ngoài ra, để có một góc nhìn dựa trên các cơ sở vững chắc cũng như phù hợp với bối cảnh quốc tế, thì việc tham khảo pháp luật nước ngoài cũng là điều nên được quan tâm. Do đó, trước khi phân tích pháp luật Việt Nam, bài viết cũng

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: thanhhdanh02412@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4576>

sẽ đi qua các góc nhìn từ hệ thống pháp luật của Pháp và Đức. Việc lựa chọn hai quốc gia này xuất phát từ việc chế định về quyền bảo toàn nguyên tác nói riêng và quyền nhân thân của tác giả nói chung vốn xuất phát và được xây dựng chủ yếu bởi các quốc gia thuộc hệ thống Dân luật (Civil law) như Pháp và Đức. Và, cũng chỉ ở những quốc gia này, mà quyền nhân thân mới được xem là một bộ phận, một thành phần của quyền tác giả - giống như cách mà Luật SHTT đang tiếp cận. Trong khi đó, ở những quốc gia theo hệ thống Thông luật (Common law) như Anh, Mỹ, Canada,... quyền nhân thân của tác giả được xem là các quyền độc lập chứ không phải là một thành phần thuộc quyền tác giả (copyright) - vốn được định nghĩa là những quyền tài sản (property right) hay quyền độc hữu (exclusive right) để thực hiện những hành vi nhất định đối với một tác phẩm<sup>1</sup>.

## 2. Cơ sở của quyền bảo toàn nguyên tác dưới góc độ pháp luật nước ngoài

### 2.1. Lợi ích được bảo vệ bởi quyền bảo toàn nguyên tác

*Nhu cầu tinh thần của tác giả.* Học thuyết pháp lý ở các nước Dân luật thừa nhận rằng các quyền ngoại sản nghiệp, hay quyền nhân thân nói chung, có mục đích nhằm đáp ứng và bảo vệ những nhu cầu tinh thần về tinh thần và không có tính cách kinh tế của người có quyền [3]. Là một quyền không có tính cách tài sản, quyền bảo toàn nguyên tác cũng hướng đến mục đích ấy: đó là nhằm đáp ứng và bảo vệ cái nhu cầu tinh thần của tác giả trong việc duy trì sự toàn vẹn của tác phẩm. Nhưng liệu mục đích ấy có hợp lý và chính đáng, bởi tác giả có thể đưa ra nhiều lý do khác nhau (bao gồm cả mục đích gây hại cho người khác) để yêu cầu sự toàn vẹn đối với tác phẩm? Nói cách khác, đâu là cơ sở biện minh cho quyền bảo toàn nguyên tác?

Học thuyết pháp lý ở Pháp và Đức đã trả lời rằng, sự chính đáng của nhu cầu ấy vốn dựa trên mối liên kết khó tách rời giữa tác giả và tác phẩm của họ [1, 4]. Đến lượt mình, mối liên kết này lại được xây dựng và duy trì dựa trên quan niệm về dấu ấn nhân cách của tác giả trong tác phẩm. Chính bởi sự liên kết về nhân cách này, mà việc tác động vào tác phẩm sẽ gây ảnh hưởng đến tác giả và do đó, họ có quyền yêu cầu sự tôn trọng. Như vậy, thực chất cốt lõi của quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm ở các nước Dân luật lại nằm ở khái niệm về dấu ấn nhân cách của tác giả.

*Quan niệm về nhân cách của tác giả.* Tác phẩm được biết đến như là một sản phẩm tinh thần, do tác giả trực tiếp sáng tạo dựa trên tài năng và phẩm chất riêng của mình. Vì vậy, tác phẩm phản ánh quan niệm nghệ thuật của người sáng tạo ra nó, thể hiện dấu ấn cá nhân của tác giả và do đó chứa đựng, thể hiện một phần nhân cách hay “cái tôi” của họ [1, 5, 6].

Vì có một quan niệm như vậy, nên ở Pháp và Đức, điều kiện về tính nguyên gốc của tác phẩm còn được hiểu yêu cầu về sự tồn tại của một dấu ấn về nhân cách hay dấu ấn cá nhân của tác giả trong tác phẩm [6, 7] - một yêu cầu thường được xem là cao hơn so với ở các nước Thông luật [8, 9]. Nói cách khác, một tác phẩm muốn được bảo hộ quyền tác giả thì nó phải mang dấu ấn nhân cách của người đã sáng tạo ra nó. Chính dấu ấn này là cái chất keo gắn kết tác giả với tác phẩm của họ một cách chặt chẽ. Thật vậy, bởi vì thể hiện nhân cách, con người tác giả nên khi tác phẩm được trình bày ra trước công chúng, chính tác giả là người sẽ được hưởng các vinh quang cũng như gánh chịu các chỉ trích và trách nhiệm về những nội dung mà mình đã phát biểu. Danh tiếng và uy tín của tác giả, vốn là những biểu hiện dễ thấy của nhân cách, đã gắn liền với tác phẩm của họ.

Và cũng vì tác phẩm mang trong mình một phần nhân cách của tác giả, nên nó còn được xem như là một bản sao con người tác giả. Điều này đã dẫn đến hệ quả là: Tác phẩm cần phải được

<sup>1</sup> Section 1 (1) Copyright, Designs and Patents Act 1988 của Vương quốc Anh; hoặc Section 3 (1)

Copyright Act 1985 của Canada.

tôn trọng cũng như sự tôn trọng chính nhân cách và con người tác giả<sup>2</sup>, và ở chiều ngược lại việc sửa đổi, cắt xén, xuyên tạc tác phẩm khi chưa được tác giả đồng ý cũng là xúc phạm, xuyên tạc nhân cách hay cái tôi của người này [10, 11]. Do đó, để tôn trọng, duy trì và bảo vệ nhân cách của tác giả, cái đã được in dấu trong tác phẩm, thì điều cần thiết là tác phẩm phải được giữ nguyên vẹn theo đúng mong muốn của tác giả. Việc sửa đổi tác phẩm mà không có sự đồng ý của tác giả là hành vi thiếu tôn trọng con người tác giả bởi nó cũng giống như “nhét chữ vào miệng” họ và bắt tác giả phải gánh chịu trách nhiệm về những gì mà họ đã không nói ra.

Tóm lại, theo những quan niệm trên, quyền bảo toàn nguyên tác ở Pháp và Đức có mục đích bảo vệ các nhu cầu tinh thần của tác giả đối với tác phẩm, hay cụ thể hơn là nhu cầu duy trì “dấu ấn cá nhân” hay phần nhân cách được thể hiện trong tác phẩm [4, 6]. Cũng cần lưu ý rằng, tuy cũng có mục đích bảo vệ nhân cách của tác giả, nhưng quyền bảo toàn nguyên tác được thừa nhận là một loại quyền phi tài sản riêng biệt, tách biệt khỏi các quyền nhân thân nói chung của cá nhân: cái trước bảo vệ sự toàn vẹn cái nhân cách đã được thể hiện cố định trong tác phẩm, còn quyền nhân thân đúng nghĩa thì bảo vệ chính nhân cách hay con người tác giả [4].

## 2.2. Hệ quả của quan niệm

### 2.2.1. Bảo vệ lợi ích cá nhân tác giả

Theo quan niệm trên, quyền bảo toàn nguyên tác suy cho cùng chỉ bảo vệ nhân cách của tác giả - cái đã được thể hiện trong tác phẩm. Điều này góp phần lý giải cho các đặc tính phi tài sản, không thể chuyển nhượng, không thể bị mất đi do không sử dụng (bị hạn chế bởi thời hiệu) của quyền bảo toàn nguyên tác. Đồng thời, vì có mục tiêu bảo vệ cái nhân cách được thể hiện trong tác phẩm, quyền lợi này sẽ không trực tiếp nhằm vào việc bảo vệ danh dự, uy tín của tác giả – vốn đã được bảo vệ bởi các quyền nhân thân riêng biệt

trong luật dân sự. Tuy nhiên, điều này không loại trừ việc duy trì sự toàn vẹn của tác phẩm sẽ gián tiếp bảo vệ các lợi ích về nhân thân của tác giả như danh dự, uy tín của họ.

Ngoài ra, quyền bảo toàn nguyên tác cũng không nhằm trực tiếp bảo vệ chính bản thân tác phẩm hay lợi ích công cộng, cũng như không nhằm mục đích thúc đẩy sự phát triển của văn học, nghệ thuật [6] - mặc dù trên thực tế công chúng có thể được hưởng lợi từ việc bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm. Do đó, vẫn sẽ bị coi là xâm phạm quyền bảo toàn nguyên tác ngay cả khi việc sửa đổi (mà không có sự đồng ý của tác giả) có thể làm cho tác phẩm trở nên hay hơn. Ở một mặt khác, vì có mục tiêu bảo vệ nhân cách của tác giả, nên về nguyên tắc các ý kiến đánh giá của tác giả về mức độ xâm phạm cái nhân cách đã được thể hiện trong tác phẩm sẽ được ưu tiên xem xét trước những ý kiến đánh giá của bên thứ ba.

Có bản chất là bảo vệ cá nhân con người tác giả nên việc bảo hộ quyền bảo toàn nguyên tác được xem là nguyên tắc ưu tiên và các ngoại lệ của quyền (nếu có) sẽ được xem là những trường hợp hạn chế và cần phải giải thích chặt chẽ.

### 2.2.2. Bảo vệ sự toàn vẹn cả về dạng thức lẫn tinh thần của tác phẩm

Như đã biết, trọng tâm của quyền bảo toàn nguyên tác nhằm đến việc bảo vệ cái “nhân cách” được thể hiện trong tác phẩm. Vậy mà, tác phẩm không chỉ bao gồm trong đó một hình thức bề ngoài để người khác có thể làm biến dạng về mặt vật chất (có thể trông thấy hoặc nghe thấy được); mà nó còn chứa đựng những nội dung tư tưởng vốn chỉ có thể nhận biết bằng cảm xúc, cũng như có thể bị xuyên tạc, bóp méo ngay cả khi tác phẩm không trực tiếp bị sửa đổi [12]. Nói một cách khác, vẫn có một số trường hợp cái “nhân cách” được thể hiện trong tác phẩm bị xuyên tạc, bóp méo mặc dù không có bất kỳ sửa đổi hay tác động nào đối với tác phẩm, thay vào đó là tác động vào bối cảnh thể hiện tác phẩm.

<sup>2</sup> Chính vì có quan niệm này mà Điều L121-1, Bộ luật Sở hữu trí tuệ của Cộng hòa Pháp còn gọi một số quyền tinh thần là quyền yêu cầu sự tôn trọng (droit

au respect) hoặc đối với tên tuổi và tư cách của tác giả (quyền được công nhận là tác giả), hoặc là đối với tác phẩm (quyền bảo vệ sự toàn vẹn).

Đó có thể là những trường hợp như: lấy một bản nhạc có mục đích phục vụ cho sinh hoạt tôn giáo, để làm quảng cáo, trình diễn một vở hài kịch trong một bối cảnh đặc thù nhằm châm biếm chính trị [7], hoặc đưa một bài nhạc rock vào một tuyển tập nói về một phong trào phát xít [4].

Xuất phát từ quan niệm này, học thuyết ở các quốc gia thuộc hệ thống Dân luật thừa nhận rằng việc bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm phải bao gồm cả hai phương diện: trực tiếp và gián tiếp [4] - hay còn được gọi, theo án lệ và học thuyết của Pháp, là sự toàn vẹn về hình dáng và tinh thần của tác phẩm [7]. Nhóm thứ nhất, ngăn cấm những hành vi sửa đổi hay tác động đến trực tiếp ngoại hình của tác phẩm hay những hình thức thể hiện cụ thể của nó [4]. Còn nhóm thứ hai, ngăn cấm những hành vi tác động gián tiếp đến tác phẩm, là những hành vi sửa đổi hay làm sai lệch tinh thần của tác phẩm, đến bối cảnh xung quanh tác phẩm khi nó được trình bày hay thể hiện [4]. Nhóm thứ hai chủ yếu nhắm đến những hành vi trình bày, thể hiện tác phẩm dưới một bối cảnh nào đó làm ảnh hưởng đến tinh thần của tác phẩm hay cái cách mà mọi người cảm nhận về tác phẩm [4, 6, 13]. Sự bảo vệ này chi phối những cách thức khai thác không quan tâm đến tinh thần và ý nghĩa của tác phẩm mà tác giả đã mong muốn truyền đạt [14].

Cách tiếp cận này cũng được Công ước Berne thừa nhận tại Điều 6bis (1) khi quy định này phân biệt rõ các hành vi: sửa đổi tác phẩm (any distortion, mutilation or other modification) và xúc phạm tác phẩm (other derogatory action). Trong khi hành vi đầu tiên là nội dung đã được đưa vào trong Công ước tại lần sửa đổi năm 1928 thì cái sau này chỉ được bổ sung thêm vào năm 1948. Khi đó, Báo cáo của Tiểu ban sửa đổi Công ước đã nói rõ những hành vi xúc phạm được hiểu là những hành vi không cấu thành việc sửa đổi tác phẩm, mà là những tác động có thể gây phương hại đến lợi ích, danh dự và uy tín của tác giả [1, 15].

### 2.2.3. Xác định phạm vi và giới hạn quyền

Khi áp dụng nguyên tắc “luật dừng áp dụng ở nơi dừng lại của lý lẽ”,<sup>3</sup> có thể suy luận rằng quyền bảo toàn nguyên tác sẽ “dừng” bảo vệ tác giả khi cơ sở bảo vệ của nó không còn. Nói một cách khác, sẽ có một số trường hợp sửa đổi tác phẩm nhưng được coi là không xâm phạm vào lợi ích được quyền lợi này bảo vệ và do đó, được xem là những sửa đổi hợp pháp.

Thật vậy, ở Pháp và Đức, quyền bảo toàn nguyên tác, như đã đề cập, có mục đích bảo vệ dấu ấn nhân cách của tác giả trong tác phẩm. Chính vì vậy, việc sửa đổi tác phẩm ở những quốc gia này sẽ chỉ bị ngăn cấm khi nó gây ảnh hưởng đến nhân cách hay cái tôi của tác giả - cái đã được thể hiện trong tác phẩm. Đó có thể là việc thay đổi những yếu tố, nội dung thể hiện những nét cá tính độc đáo của tác phẩm hay bóp méo tư tưởng của tác giả [7, 13, 16], cho dù đó là những chi tiết nhỏ nhất. Ngược lại, nếu đó chỉ là những sửa đổi đối với phần không thể hiện dấu ấn của tác giả (ví như những nội dung chỉ đơn thuần phản ánh thực tế, hoặc không do tác giả sáng tạo ra) thì hành vi này không được xem là xâm phạm quyền bảo toàn nguyên tác.

Tuy nhiên, tồn tại sự khác biệt giữa các quốc gia về phương pháp đánh giá rằng liệu có hay không sự thay đổi của “dấu ấn cá nhân”. Theo đó, giới luật học ở Pháp nghiêng về cách tiếp cận chủ quan, thừa nhận rằng chỉ có tác giả mới là người duy nhất có đủ thẩm quyền xác định tính toàn vẹn về dạng thức của tác phẩm [7, 16]. Ngược lại, giới luật học ở Đức thường đi theo cách tiếp cận khách quan, thừa nhận rằng việc bóp méo nhân cách của tác giả có thể được xác định bằng các phương pháp khách quan như xem xét, đánh giá những nét độc đáo, đặc trưng trong tác phẩm [6, 16].

Bên cạnh đó, nguyên tắc “luật dừng áp dụng ở nơi dừng lại của lý lẽ” còn thể hiện ở những trường hợp được coi là ngoại lệ hay miễn trừ - nơi mà lý lẽ biện minh của quyền lợi yếu thế hơn

<sup>3</sup> Dịch từ tục lao latin: *cessante razione legis, cessat lex*. Các tục dao latin được thừa nhận là những nguyên tắc xác đáng, và có thể được vận dụng như là

một trong những nguyên tắc giải thích pháp luật. Về ý nghĩa này, xem thêm: Vũ Văn Mẫu, Dân luật khái luận, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, 1961.

so với nhu cầu bảo vệ một lợi ích khác. Điều này đòi hỏi việc cân nhắc các quyền lợi giữa các bên - cái sẽ không thực hiện được nếu không hiểu rõ cơ sở của quyền bảo toàn nguyên tác, vốn là một bên trong cân cân.

Tuy nhiên, nhìn chung đây vẫn còn là một chủ đề đang phát triển và chưa có sự thống nhất ở diện rộng. Ở Pháp, các ngoại lệ của quyền bảo toàn nguyên tác được thừa nhận chủ yếu bởi án lệ, và vì vậy thiếu tính hệ thống. Nhìn chung, các ngoại lệ chủ yếu liên quan đến những trường hợp tác phẩm có đồng tác giả, tác phẩm tập thể, việc làm tác phẩm phái sinh (đặc biệt là chuyển thể phim) và sửa đổi công trình kiến trúc [7, 16].

Ngược lại, Luật Quyền tác giả và quyền liên quan của Đức lại chính thức thừa nhận nguyên tác chung về ngoại lệ của quyền bảo toàn nguyên tác tại Điều 39(2) rằng: các thay đổi đối với tác phẩm mà tác giả không thể từ chối theo nguyên tác thiện chí là hợp pháp. Tiếp đến Điều 62 Luật này cũng liệt kê một số trường hợp ngoại lệ đặc thù, tiêu biểu. Mặc dù vậy, vai trò của tòa án là không thể phủ nhận.

### 3. Cơ sở của quyền bảo toàn nguyên tác theo pháp luật Việt Nam

#### 3.1. Lợi ích được bảo vệ bởi quyền bảo toàn nguyên tác

*Lợi ích tinh thần của tác giả.* Cũng giống với các quốc gia thuộc hệ thống Dân luật, pháp luật Việt Nam cũng thừa nhận rằng các quyền nhân thân của tác giả là những quyền lợi nhằm bảo vệ những lợi ích phi vật chất của người có quyền: những mối quan tâm về tinh thần của tác giả đối với việc duy trì sự toàn vẹn của tác phẩm – dựa con tinh thần của mình.

Tuy nhiên, học thuyết pháp lý và thực tiễn xét xử ở Việt Nam chưa thực sự làm rõ cơ sở của quyền lợi này để từ đó rút ra các giải pháp và nguyên tắc pháp lý phù hợp. Và rồi sau khi Luật SHTT được ban hành, việc xuất hiện cụm từ “gây phương hại đến danh dự, uy tín của tác giả” đã gây ra ngộ nhận rằng quyền bảo vệ sự toàn

vẹn của tác phẩm là nhằm bảo vệ danh dự, uy tín của tác giả: chỉ khi có sự phương hại đến các giá trị này thì mới có sự xâm phạm quyền bảo toàn nguyên tác.

Có thể khẳng định rằng quyền bảo toàn nguyên tác không nhằm mục đích bảo vệ trực tiếp danh dự và uy tín của tác giả - những đối tượng vốn đã được bảo vệ bởi các quyền nhân thân theo Bộ luật Dân sự. Thật vậy, chính quá trình phát triển của chế định quyền bảo toàn nguyên tác ở Việt Nam cũng cho thấy điều đó: trước khi có Luật SHTT năm 2005, việc bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không phụ thuộc vào việc nội dung bị sửa đổi có gây phương hại đến danh dự, uy tín của tác giả hay không. Việc bổ sung điều kiện gây phương hại nói trên, mà không kèm với bất kỳ sự thay đổi đáng kể nào khác, cho thấy rằng nhà lập pháp chỉ có ý định giới hạn lại phạm vi và mức độ của quyền bảo toàn nguyên tác chứ không nhằm thay đổi cái căn nguyên và bản chất của quyền lợi này. Do đó, sự phương hại đến uy tín và danh dự của tác giả được đề cập tại khoản 4 Điều 19 Luật SHTT chỉ là biểu hiện về những tổn hại tinh thần của tác giả gây ra bởi hành vi sửa đổi tác phẩm: danh dự, và uy tín của tác giả không phải là những đối tượng thực sự được bảo vệ trực tiếp bởi quyền bảo toàn nguyên tác. Vậy thì cơ sở thực sự của quyền lợi này là gì?

*Mối liên kết tác giả - tác phẩm.* Khoản 3 Điều 14 Luật SHTT quy định tác phẩm phải do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác. Như vậy, luật thừa nhận rằng không có tác phẩm được bảo hộ nào mà không được sáng tạo bởi lao động trí tuệ của một cá nhân. Và do đó thừa nhận rằng, giữa tác giả và tác phẩm có một sợi dây liên kết vô hình. Chính vì sự tồn tại của mối này mà việc xuyên tạc, sửa chữa tác phẩm trái với ý muốn của tác giả có thể gây phương hại đến người sau này, mà những biểu hiện rõ nét nhất theo luật hiện hành, chính là làm tổn hại đến danh dự và uy tín của tác giả. Do đó, suy cho cùng, chỉ có mối liên kết này mới có thể biện minh cho nhu cầu của tác giả về việc đảm bảo sự toàn vẹn của tác phẩm.

Tuy nhiên, so với luật ở các quốc gia như Pháp và Đức, Luật SHTT hiện hành không minh thị yêu cầu tác phẩm phải mang dấu ấn cá nhân của tác giả. Có thể thấy, giữa yêu cầu “trực tiếp sáng tạo mà không sao chép” và “sự thể hiện dấu ấn cá nhân” có một sự cách biệt: yêu cầu về trực tiếp sáng tạo mà không sao chép có thể chỉ dừng lại ở việc cần một ít sáng tạo tối thiểu, ngược lại “dấu ấn cá nhân” đòi hỏi một nỗ lực nhiều hơn [9]. Trên thực tế, theo Tòa án, dấu ấn cá nhân không phải là điều kiện cần thiết để một tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả<sup>4</sup>. Nói cách khác, sự tồn tại dấu ấn nhân cách của tác giả trong tác phẩm không phải là một quan niệm mang tính nguyên tắc.

Điều này, làm cho cái nhìn về sợi dây liên kết giữa tác giả và tác phẩm khó nắm bắt và mong manh: Rằng mỗi liên kết này mạnh, yếu ra sao, liệu nó có thể dễ dàng bị phá vỡ để ưu tiên lợi ích của người khác hay không, và khi nào thì việc tác động đến tác phẩm sẽ ảnh hưởng đến tác giả? Như sẽ thấy, sự thiếu vắng lý thuyết này có thể đem lại nhiều khó khăn trong việc xác định hành vi xâm phạm quyền bảo toàn nguyên tác.

*Giới hạn bởi lợi ích công cộng.* Với quan niệm vừa phân tích ở trên, có thể suy đoán rằng quyền bảo toàn nguyên tác trong pháp luật hiện hành chỉ có mục đích bảo vệ cá nhân tác giả. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 8 Luật SHTT có quy định rằng chính sách của Nhà nước là: Công nhận và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ với lợi ích công cộng. Điều này dẫn đến hệ quả là quyền bảo toàn nguyên tác không thể chỉ nhằm mục đích bảo vệ lợi ích của tác giả mà nó còn phải dung hòa với lợi ích công cộng.

Như vậy, về cơ bản, cách tiếp cận của luật hiện hành về cơ sở của quyền bảo toàn nguyên tác cũng có phần tương tự với cách tiếp cận ở Pháp và Đức. Song, vì không thừa nhận học thuyết về dấu ấn cá nhân của tác giả trong tác

phẩm, cộng với việc thừa nhận lợi ích công cộng như là một lợi ích được gián tiếp bảo vệ, nên khi so sánh với quan niệm ở các nước theo hệ thống Dân luật như đã đề cập ở phần trên, việc bảo hộ quyền bảo toàn nguyên tác trong bối cảnh pháp luật Việt Nam tồn tại một số hệ quả đặc thù nhất định.

### 3.2. Hệ quả của quan niệm

#### 3.2.1. Liên quan việc xác định hành vi xâm phạm quyền

Việc thiếu đi lý thuyết về dấu ấn cá nhân hay nhân cách của tác giả trong tác phẩm, có thể làm cho việc xác định khi nào có sự xâm phạm quyền bảo toàn nguyên tác ở Việt Nam lại trở thành một vấn đề khó khăn.

Thật vậy, ở những quốc gia thừa nhận lý thuyết dấu ấn cá nhân thì tiêu chuẩn để xác định hành vi xâm phạm chính là những sửa đổi gây ảnh hưởng đến cái dấu ấn này. Trong khi đó, nếu chỉ có mục đích bảo vệ mối quan tâm tinh thần của tác giả đối với tác phẩm thì đáng lẽ ra quyền bảo toàn nguyên tác sẽ bị coi là xâm phạm khi mỗi khi tác giả nhận thấy việc sửa đổi gây tổn hại đến sự liên kết tinh thần giữa tác giả và tác phẩm - một tiêu chuẩn hoàn toàn chủ quan phụ thuộc vào đánh giá của tác giả. Đây cũng là cách tiếp cận đã từng được Tòa án ngầm thừa nhận khi giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền bảo toàn nguyên tác<sup>5</sup>.

Có lẽ nhằm mục đích hạn chế sự chủ quan và lạm dụng của tác giả trong việc hành xử quyền lợi của mình, mà nhà làm luật đã phải đưa ra một giải pháp để hạn chế lại phạm vi của quyền bảo toàn nguyên tác. Theo đó, khoản 4 Điều 19 Luật SHTT đã quy định việc sửa đổi tác phẩm chỉ bị ngăn cấm khi nào chúng có khả năng gây phương hại, hay làm ảnh hưởng đến danh dự và uy tín của tác giả. Cách quy định này có thể dẫn đến cách hiểu là quyền bảo toàn nguyên tác chỉ có thể bị xâm phạm một khi danh dự, uy tín của tác giả bị tổn hại trên thực tế. Thực

<sup>4</sup> Bản án Phúc thẩm số 774/2019/DSPT ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ.

<sup>5</sup> Bản án Phúc thẩm số 774/2019/DSPT ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ.

chất, cách hiểu này lại là một giải pháp không thỏa đáng vì nhiều lẽ.

Trước hết, như đã đề cập, quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không nhằm mục đích bảo vệ trực tiếp danh dự và uy tín của tác giả mà là nhằm bảo vệ cái nhu cầu tinh thần của cá nhân tác giả trong việc duy trì mối liên kết tinh thần giữa họ và tác phẩm. Mặt khác, ngay cả trong những chế định trực tiếp bảo vệ danh dự, uy tín của cá nhân thì yêu cầu về thiệt hại thực tế cũng không được đặt ra: Khi khởi kiện, người bị vu khống, lăng mạ, xúc phạm về danh dự, uy tín chỉ cần chứng minh về sự tồn tại của hành vi tấn công vào danh dự, uy tín của họ mà không cần phải chứng minh rằng danh dự, uy tín của họ đã bị thiệt hại, sụt giảm trên thực tế. Việc chứng minh thiệt hại chỉ cần thiết khi đánh giá, xác định mức bồi thường. Thế mà, khi yêu cầu bảo hộ quyền bảo toàn nguyên tác - một quyền lợi không nhằm trực tiếp bảo vệ danh dự, uy tín - thì tác giả lại phải chứng minh có thiệt hại đối với danh dự, uy tín của mình.

Như vậy, sẽ không thực sự công bằng và thỏa đáng khi đòi hỏi rằng để bị xem xâm phạm quyền bảo toàn nguyên tác thì hành vi sửa đổi tác phẩm cần phải gây ra một thiệt hại thực tế đến danh dự, uy tín của tác giả. Vì vậy, yếu tố “gây phương hại về danh dự, uy tín” được đề cập tại khoản 4 Điều 19 Luật SHTT cần phải được hiểu theo một ngữ cảnh khác; rằng đây không phải là một yêu cầu về hệ quả, mà là một yêu cầu về mức độ của hành vi sửa đổi tác phẩm: việc sửa đổi tác phẩm bị xem là xâm phạm quyền bảo toàn nguyên tác một khi nó có xu hướng, khả năng gây phương hại đến mối liên kết tinh thần giữa tác giả và tác phẩm, trong đó danh dự, uy tín của tác giả chỉ là những biểu hiện rõ nét nhất.

Vấn đề tiếp theo là làm sao để xác định khả năng này? Phải khẳng định rằng, không có một công thức chung để cho ra một kết quả chắc chắn trong mọi trường hợp. Nhưng chắc chắn là không phải mọi sửa đổi đối với tác phẩm đều có thể gây ra khả năng này, cũng như không thể chỉ dựa trên các cáo buộc đơn phương và chủ quan của tác giả. Việc xác định sẽ phụ thuộc vào các đánh giá của Tòa án dựa trên những tình tiết cụ

thể của vụ việc. Kinh nghiệm các nước cho thấy, một số tiêu chí có thể được cân nhắc cho việc suy đoán, điển hình như: mức độ thay đổi của những nội dung mang tính sáng tạo của riêng tác giả (như phong cách, bút pháp thể hiện); mức độ sáng tạo, độc đáo trong tác phẩm [17]; hoặc hình thức, mục đích sử dụng của tác phẩm [6]; và thậm chí là suy đoán dựa trên động lực hay ý thức của người thực hiện việc sửa đổi [17].

3.2.2. Vấn đề bảo vệ sự toàn vẹn về tinh thần của tác phẩm

Liệu pháp luật hiện hành có bảo vệ sự toàn vẹn về tinh thần của tác phẩm? Về mặt lý thuyết, nếu không thừa nhận thuyết dấu ấn cá nhân, thì về bản chất không thể bảo vệ tinh thần của tác phẩm. Bởi lẽ việc bảo vệ tinh thần của tác phẩm là nhằm bảo toàn cái nhìn của công chúng về dấu ấn nhân cách của tác giả, chứ không phải bảo vệ ý tưởng hay bản thân tác phẩm. Trên thực tế, luật thực định lần thực tiễn xét xử và học thuyết pháp lý ở Việt Nam cho đến nay vẫn chưa có câu trả lời rõ ràng.

Khoản 4 Điều 19 Luật SHTT (sửa đổi, bổ sung năm 2022) quy định quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm là: “quyền không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả”. Việc tách biệt hành vi “xuyên tạc” với “sửa đổi và cắt xén” gợi lên ý nghĩ rằng, Luật SHTT có lẽ đang muốn phản ánh cách tiếp cận của Điều 6bis(1) Công ước Berne, về hai nhóm hành vi xâm phạm quyền bảo toàn nguyên tác. Trong đó, “sửa đổi và cắt xén” tương ứng với hành vi trực tiếp sửa đổi tác phẩm còn “xuyên tạc” tương ứng với các hành vi bóp méo tinh thần của tác phẩm.

Theo Từ điển tiếng Việt, “xuyên tạc” là việc “trình bày sai sự thật với dụng ý xấu” [18]. Nếu hiểu theo nghĩa trên, hành vi “xuyên tạc” tác phẩm không nhất thiết đòi hỏi phải có tác động vào hình thức thể hiện tác phẩm. Và nếu nhìn từ góc độ lịch sử, có thể thấy hành vi xuyên tạc là nội dung chỉ xuất hiện trong Luật SHTT, tức sau khi Việt Nam gia nhập công ước Berne. Trước đó quyền lợi này chỉ ngăn cấm các hành vi sửa đổi tác phẩm tức chỉ bao gồm các tác động về



mặt hình thức thể hiện<sup>6</sup>.

Như vậy, có thể suy đoán rằng Luật SHTT hiện hành có đề ngỏ khả năng thừa nhận việc bảo vệ sự toàn vẹn về tinh thần của tác phẩm. Tuy nhiên, với những quy định hiện tại, việc xác định hành vi xâm phạm về tinh thần tác phẩm có lẽ sẽ là điều không khả thi, rằng khi nào thì bị xem là có sự xuyên tạc tác phẩm. Sự thật bị xuyên tạc ở đây phải được hiểu như thế nào? Hiển nhiên, điểm so sánh phải xuất phát từ tác phẩm. Nhưng, trình bày sai sự thật là trình bày, thể hiện lại tác phẩm không đúng với nội dung nào của tác phẩm? Liệu đó có phải là ý nghĩa, bối cảnh, tinh thần hay nội dung mà tác giả muốn truyền đạt? Rằng việc thể hiện lại một phần đáng kể của tác phẩm để phê bình, chỉ trích cũng có bị xem là việc trình bày nhằm mục đích xuyên tạc?

Luật thực định cho đến nay vẫn chưa cung cấp đủ các dữ kiện cần thiết để có thể xác định nội hàm cũng như ranh giới của quy định này. Giải pháp cụ thể có lẽ sẽ còn phụ thuộc vào thực tiễn thi hành quy định này trong tương lai. Ở một góc độ nào đó, việc thiếu vắng các chỉ dẫn còn cho thấy pháp luật hiện hành có lẽ vẫn chưa sẵn sàng chấp nhận hoàn toàn vấn đề bảo vệ sự toàn vẹn về tinh thần của tác phẩm.

3.2.3. Vấn đề giới hạn bởi lợi ích công cộng và ngoại lệ của quyền bảo toàn nguyên tác

Về bản chất, các giới hạn hay ngoại lệ của một quyền lợi được xem như là một biện pháp để cân bằng những lợi ích đối lập. Vì vậy việc xây dựng và đặt ra các giới hạn, ngoại lệ quyền cần được thực hiện một cách thận trọng. Theo đó, trước hết cần phải xác định cơ sở, triết lý của quyền lợi rồi sau đó mới có thể đặt cơ sở này lên bàn cân với các lợi ích khác. Việc không xác

định rõ ràng cơ sở biện minh của quyền lợi có thể dẫn đến sự tùy tiện và thiếu sót trong việc xây dựng các ngoại lệ.

Như đã đề cập, pháp luật và học thuyết hiện hành chưa thừa nhận quan niệm về dấu ấn cá nhân của tác giả như là cơ sở cốt lõi cho mối liên kết giữa tác giả và tác phẩm. Điều này làm cho việc xây dựng các ngoại lệ quyền như là biện pháp cân bằng lợi ích trong việc bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm trở nên khó xác định hơn. Thật vậy, Luật SHTT hiện nay không minh thị thừa nhận vấn đề ngoại lệ của quyền bảo toàn nguyên tác. Mặc dù vậy, ở một chừng mực nhất định, một số ngoại lệ của quyền tác giả (chứ không chỉ là ngoại lệ của quyền tài sản) theo quy định tại Điều 25 và 25a cũng có thể được xem xét áp dụng cho quyền bảo toàn nguyên tác, đặc biệt là ở những trường hợp luật có ghi rõ là các hành vi sử dụng tác phẩm nói chung chứ không chỉ giới hạn ở một số hành vi như sao chép, trình diễn<sup>7</sup>. Tuy nhiên, trên thực tế, tác giả vẫn chưa ghi nhận việc vận dụng các quy định này như là các ngoại lệ của quyền bảo toàn nguyên tác.

Bên cạnh quy định trên, Luật SHTT vẫn có một số chi dấu khác cho thấy việc bảo hộ quyền bảo toàn nguyên tác có tồn tại giới hạn. Như đã đề cập, quyền này không bảo hộ riêng lợi ích của tác giả mà phần nào còn bảo vệ cả lợi ích công cộng: việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung cần phải hài hòa với lợi ích công cộng. Điều này dẫn đến hệ quả là lợi ích công cộng có thể được thừa nhận là một đối tượng được ưu tiên hơn so với quyền bảo vệ sự vẹn tác phẩm. Ví dụ: việc sửa đổi tác phẩm, thậm chí là sửa đổi một cách nghiêm trọng, vẫn có thể sẽ được chấp nhận nếu lợi ích mà việc sửa đổi đem lại cho xã hội, cho

<sup>6</sup> Điểm đ, khoản 1 Điều 751 Bộ luật Dân sự 1995; khoản 3 Điều 10 Pháp lệnh Bảo hộ Quyền tác giả năm 1994; khoản 1 Điều 3 Nghị định 142/HĐBT năm 1986.

<sup>7</sup> Cần lưu ý rằng, nguyên tắc về “phép thử ba bước” chỉ là một tiêu chuẩn quốc tế đặt ra cho các quốc gia trong việc giới hạn các quyền tài sản. Bản thân nó không phải là tiêu chuẩn giới hạn các quyền nhân thân của tác giả. Nói cách khác, việc giới hạn quyền nhân thân tùy thuộc chủ quyền của mỗi quốc gia. Do đó,

tùy trường hợp mà các ngoại lệ của quyền tài sản cũng có thể được vận dụng cho việc giới hạn quyền nhân thân. Ví dụ như hợp về ngoại lệ “nhại” (parody) quy định tại khoản 4 Điều L122-5 Bộ Luật Sở hữu trí tuệ của Pháp. Đây vốn là một ngoại lệ của quyền tài sản, song Tòa án ở Pháp đã từng thừa nhận rằng, nó cũng có thể là một giới hạn của quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm. Xem thêm: Sabine Jacques, *The Parody Exception in Copyright Law*, Oxford University Press, 2019.

lợi ích công cộng là nhiều hơn so với các thiệt hại về tinh thần của tác giả. Chẳng hạn như việc một nhà biên tập sửa đổi, cắt bỏ nhiều nội dung của một tác phẩm văn học làm cho tác phẩm này hay hơn và phù hợp hơn với định hướng, chính sách của Nhà nước, lợi ích công cộng hơn, thì khi đó việc sửa đổi này có thể sẽ được chấp nhận<sup>8</sup>. Đây là một khác biệt đáng lưu ý khi so sánh với pháp luật của Pháp và Đức.

Một vấn đề nữa được đặt ra là liệu pháp luật hiện hành có cho phép thừa nhận các trường hợp ngoại lệ do nguyên tắc thiện chí? Vấn đề có vẻ tế nhị. Một mặt, việc mọi chủ thể của luật tư phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình một cách thiện chí vốn là một nguyên tắc được thừa nhận tại khoản 3 Điều 3 Bộ luật Dân sự 2015 - nguyên tắc chung chi phối các quan hệ tư, bao gồm cả các quan hệ liên quan đến việc thực thi quyền nhân thân của tác giả. Tuy nhiên, liệu sự thiện chí có cho phép giới hạn quyền nhân thân của tác giả hay không lại là một chuyện khác, đặc biệt là khi quy định về việc giới hạn quyền dân sự tại Điều 10 Bộ luật Dân sự lại không nhắc đến nguyên tắc thiện chí.

Trong bối cảnh thiếu vắng các quy tắc rành mạch của luật cũng như các bản án nguyên tắc, có thể cân nhắc vận dụng nguyên tắc thiện chí để xây dựng những giả định, suy đoán về việc tác giả đã ngầm đồng ý cho phép sửa đổi tác phẩm. Giả định này vốn dựa trên hai tiền đề cơ bản là: tác giả có thể đồng ý cho phép người khác sửa đổi tác phẩm của mình (như trong việc làm tác phẩm phái sinh) và các nguyên tắc giải thích giao dịch dân sự và hợp đồng (về các thỏa thuận mặc nhiên có ý nghĩa phù hợp với mục đích của giao dịch và theo tập quán). Theo đó, trong các trường hợp sửa đổi tác phẩm dựa trên sự thiện chí, tập quán hay thông lệ giữa các bên cũng như trong các bối cảnh nhất định của một thỏa thuận cụ thể, có thể suy đoán rằng tác giả đã mặc nhiên hoặc ngầm đồng ý cho phép sửa đổi tác phẩm, dù rằng

sự cho phép này không được nêu rõ ràng trong hợp đồng.

Ví dụ, đó có thể là các trường hợp phù hợp với mục đích chung của giao dịch, điển hình việc sửa đổi, rút ngắn một vài nội dung nhưng không làm sai ý tác giả trong khuôn khổ biên tập bài viết tạp chí mà tác giả đã có thể biết trước về thể lệ. Hoặc đó cũng có thể là các sửa đổi bắt buộc do thể loại tác phẩm yêu cầu khi thực hiện chuyển thể (ví dụ việc thêm vào các động tác biểu diễn khi chuyển thể một tác phẩm viết thành tác phẩm sân khấu). Sau hết, đó cũng có thể là các ngoại lệ được thừa nhận theo thông lệ, thực tiễn – vốn có thể được xem là những trường hợp mà tác giả đã biết hoặc phải biết nhưng lại không phản đối. Ví dụ điển hình có thể kể như là việc tạm dừng phát sóng và chèn vào các đoạn quảng cáo trong quá trình phát sóng phim; hoặc việc chèn logo đài phát sóng, chèn phụ đề,...

Hiển nhiên, việc tiếp cận theo cách này có thể làm suy yếu giá trị của các ngoại lệ. Bởi những ngoại lệ đúng nghĩa có giá trị giới hạn đặc quyền của tác giả và hầu như không thể bị bác bỏ bởi các phản chứng. Trong khi đó, việc suy đoán chỉ là một biện pháp không chắc chắn và có thể bị bác bỏ do một phản chứng khác mạnh hơn.

#### 4. Kết luận

Qua những phân tích ở trên, rõ ràng vẫn còn nhiều nội dung về quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm mà pháp luật hiện hành chưa điều chỉnh hoặc chưa làm rõ. Trong bối cảnh đó, việc tham khảo giải pháp từ pháp luật nước ngoài, vốn đã được thử thách qua thời gian, là một trong những cách thức hiệu quả nên được xem xét.

Nhận thấy nhiều nét tương đồng trong chế định quyền tác giả giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật ở các quốc gia theo hệ thống Dân luật, tác giả cho rằng chúng ta có thể tiếp thu và vận

<sup>8</sup> Xem thêm Bản án Sơ thẩm số 41/STDS ngày 16-17-19/10/1998 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Trong vụ án này, việc sửa đổi tác phẩm dựa trên sự đóng góp của hội đồng duyệt kịch bản, được khán giả tiếp nhận tốt, đánh giá là một bộ phim hay và được

Nhà nước (Cục Điện ảnh) cho phép phổ biến rộng rãi cho mọi đối tượng là những lý do quan trọng được Tòa án cân nhắc khi đưa ra quyết định về việc không thừa nhận hành vi xâm phạm quyền bảo toàn nguyên tác.

dụng phần nào các giải pháp ở những quốc gia này vào chế định quyền bảo toàn nguyên tác. Cụ thể hơn, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu và xây dựng quan niệm dấu ấn nhân cách của tác giả trong tác phẩm, để từ đó phát triển thêm các vấn đề về xác định các hành sự xâm phạm quyền (như dựa trên các yếu tố thể hiện dấu ấn, cá tính của tác giả) cũng như xây dựng các trường hợp giới hạn quyền (trên cơ sở cân bằng lợi ích và nguyên tắc thiện chí thay vì phải ngầm giả định về sự đồng ý của tác giả).

### Tài liệu tham khảo

- [1] WIPO, Berne Convention Centenary, The International Bureau of Intellectual Property, WIPO, 1986.
- [2] N. M. Bách, Luật tố tụng dân sự Việt Nam (Giải Lược), NXB. Đồng Nai, 1996.
- [3] V. V. Mẫu, Dân luật khái luận, Bộ Quốc gia Giáo dục, 1961.
- [4] J. D. Werra, Le Droit à l'Intégrité de l'Œuvre: Étude du Droit d'Auteur Suisse dans une Perspective de Droit Comparé, Stämpfli Editions, 1997.
- [5] N. M. Bách, Luật Sở hữu trí tuệ, NXB. Giao thông Vận tải, 2007.
- [6] N. V. Nam, Quyền tác giả, đường hội nhập không trải hoa hồng, NXB. Trẻ, 2017.
- [7] P. Sirinelli, Notions Fondamentales du Droit d'Auteur: Recueil de Jurisprudence, WIPO, 2002.
- [8] L. T. Harms, The Enforcement of Intellectual Property Rights: A Case Book, WIPO, 2012.
- [9] M. Ficsor, Guide to the Copyright and Related Rights Treaties Administered by WIPO and Glossary of Copyright and Related Rights Terms, WIPO, 1978.
- [10] F. Pollaud-Dulian, Le Droit Moral en France, à Travers la Jurisprudence Récente, Revue Internationale Du Droit D'auteur, Vol. 145, 1990, pp. 126 - 313.
- [11] H. Desbois, Le Droit d'Auteur: Droit Français, Convention de Berne Révisée, Dalloz, 1950.
- [12] Z. Radojkovic, De la Nature Juridique du "Droit Moral", Le Droit d'Auteur, No. 9, 1965, pp. 210 - 215.
- [13] Artcena, Droits De l'Auteur Sur Son Œuvre, <https://www.artcena.fr/artcena-juridique/droits-dauteurs-et-droits-voisins/droit-dauteur/droits-de-lauteur-sur-son-oeuvre> (accessed on August 6<sup>th</sup>, 2023).
- [14] Economie.gouv.fr, Utiliser Une Œuvre Dans Le Respect Du Droit Moral De l'Auteur, <https://www.economie.gouv.fr/apie/propriete-intellectuelle-publications/utiliser-oeuvre-dans-respect-droit-moral-auteur> (accessed on August 6<sup>th</sup>, 2023).
- [15] C. Masouyé, Guide de la Convention de Berne: Pour la Protection des Œuvres Littéraires et Artistiques, WIPO, 1978.
- [16] M. Salokannel, A. Strowel, Study Contract Concerning Moral Rights in the Context of the Exploitation of Works through Digital Technology: Final Report, Europäische Kommission Publisher, 2000.
- [17] M. J. Davison, A. L. Monotti, L. Wiseman, Australian Intellectual Property Law, Cambridge University Press, 2008.
- [18] Viện Ngôn ngữ học, Từ điển tiếng Việt phổ thông, NXB. Phương Đông, 2011.